

Mô hình EB-IB

1. MH quản lý nền Kinh tế nhỏ-mở (EB-IB)
2. Chính sách ổn định hoá
3. Thực hành Việt Nam và Trung Quốc

Ổn định và tăng trưởng

- ◆ Ổn định vĩ mô - nguồn cho tăng trưởng
- ◆ Cân bằng kinh tế vĩ mô:
 - ✓ Cân bằng bên ngoài (External Balance)
 - ◆ $X = M$
 - ✓ Cân bằng bên trong (Internal Balance)
 - ◆ Thất nghiệp = tỷ lệ tự nhiên
 - ◆ Lạm phát thấp (kiểm soát được)
- ◆ Nền kinh tế:
 - ✓ Mở: ngoại thương, dòng tài chính tác động lớn
 - ✓ Nhỏ: chấp nhận giá, chịu ảnh hưởng chính sách bên ngoài

Cân bằng kinh tế vĩ mô

◆ Cân bằng bên ngoài (EB) + Cân bằng bên trong (IB)

✓ EB: $X = M$ hay $NX = 0$

✓ IB: $Y = Y_p$; $u = u_n$; và $\% \Delta P = \% \Delta P_e$

◆ Đồng nhất thức:

✓ $Y = C + I + G + X - M = A + NX$

◆ Cân bằng kinh tế vĩ mô:

✓ $Y = A = Y_p$ [hay $g_y =$ tốc độ tăng trưởng trung bình gđ]

✓ $u = u_n$; và

✓ $\% \Delta P = \% \Delta P_e$

✓ $NX = 0$ [hay $RER = 1$]

Cân bằng bên ngoài (EB)

- ◆ Cân bằng bên ngoài: EB (External Balance)
- ◆ $X = M$ hay $NX = 0$ hay $ST = DT$
- ◆ Xuất khẩu: $X = S_x - D_x$
- ◆ Nhập khẩu: $M = D_m - S_m$
- ◆ Cán cân thương mại: $NX = ?$
 - ✓ $NX = X - M = (S_x - D_x) - (D_m - S_m)$
 - ✓ $NX = (S_x + S_m) - (D_x + D_m) = ST - DT$
- ◆ Nhận diện:
 - ✓ Năm có $NX = 0$ có nghĩa là $RER = 1$
 - ✓ Không nhất thiết là năm có cân bằng bên trong (IB)

Cân bằng bên trong (IB)

- ◆ $Y = Y_p$;
- ◆ $u = u_n$; và
- ◆ $\% \Delta P = \% \Delta P_e$

- ◆ Nhận diện:
 - ✓ So gý với tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn
 - ✓ $u = u_n$; [nhìn vào Δu]
 - ✓ $\% \Delta P = \% \Delta P_e$ [nhìn vào $\Delta(\% \Delta P)$]
 - ✓ Không nhất thiết là năm có cân bằng bên ngoài (EB)

Hai hàng hóa: Ngoại & phi ngoại thương

- ◆ Hàng có thể ngoại thương (tradable goods: T)
 - ✓ Mua/bán xuyên biên giới (X, M)
 - ✓ Giá (PT) phụ thuộc giá thế giới (P^*)
- ◆ Hàng phi ngoại thương (non-tradable goods: NT hay N)
 - ✓ Thiếu thì không thể nhập, thừa thì không thể xuất
 - ✓ Giá (PN) phụ thuộc và liên quan giá trong nước (P)

Tỷ giá hối đoái thực = giá tương đối

- ◆ $RER = NER.P^*/P = E.P^*/P = P_T/P_N$

Nhớ lại:

- ◆ $NER = E = ?DC/1FC$
 - ✓ Nội tệ lên giá & nội tệ mất giá
- ◆ $RER = \varepsilon = E.P^*/P$
 - ✓ Đồng tiền bị định giá cao (overvalued)?
 - ✓ Đồng tiền bị định giá thấp (undervalued)?
- ◆ Chính sách phá giá (devaluation policy)
- ◆ Chính sách nâng giá (revaluation policy)

Ổn định hóa kinh tế vĩ mô – 3 mục tiêu

- ✓ Đưa lạm phát vào tầm kiểm soát
- ✓ Tái lập cân bằng tài khóa bằng cách giảm chi tiêu chính phủ và tăng doanh thu thuế
- ✓ Hạn chế thâm hụt cán cân vãng lai bằng cách phá giá và xúc tiến xuất khẩu

Mô hình EB-IB

Giới thiệu:

1. Hai loại hàng hoá: Ngoại thương (T) & phi ngoại thương (NT)
2. Cân bằng bên ngoài (EB) & cân bằng bên trong (IB)
3. Giá tương đối: $(P_T/P_N) \# RER = NER.P^*/P$
4. Chính sách ổn định hoá (Tài khóa & Tiền tệ & Tỷ giá)

Xây dựng mô hình:

1. Cung, cầu và cân bằng tổng quát
2. Cân bằng thị trường hàng T & hàng N

Tiêu chuẩn công nghiệp của Liên Hiệp Quốc (SIC – The Standard Industrial Classification)

1. Nông nghiệp, săn bắn, lâm nghiệp và đánh cá
2. Khai thác mỏ và khai thác đá
3. Sản xuất chế biến
4. Điện, nước và khí đốt
5. Xây dựng
6. Mua bán sỉ và lẻ, nhà hàng và khách sạn
7. Giao thông, kho bãi và thông tin
8. Tài chính, bảo hiểm, nhà đất và các dịch vụ kinh doanh
9. Các dịch vụ cá nhân, cộng đồng và xã hội

1-3: hàng T

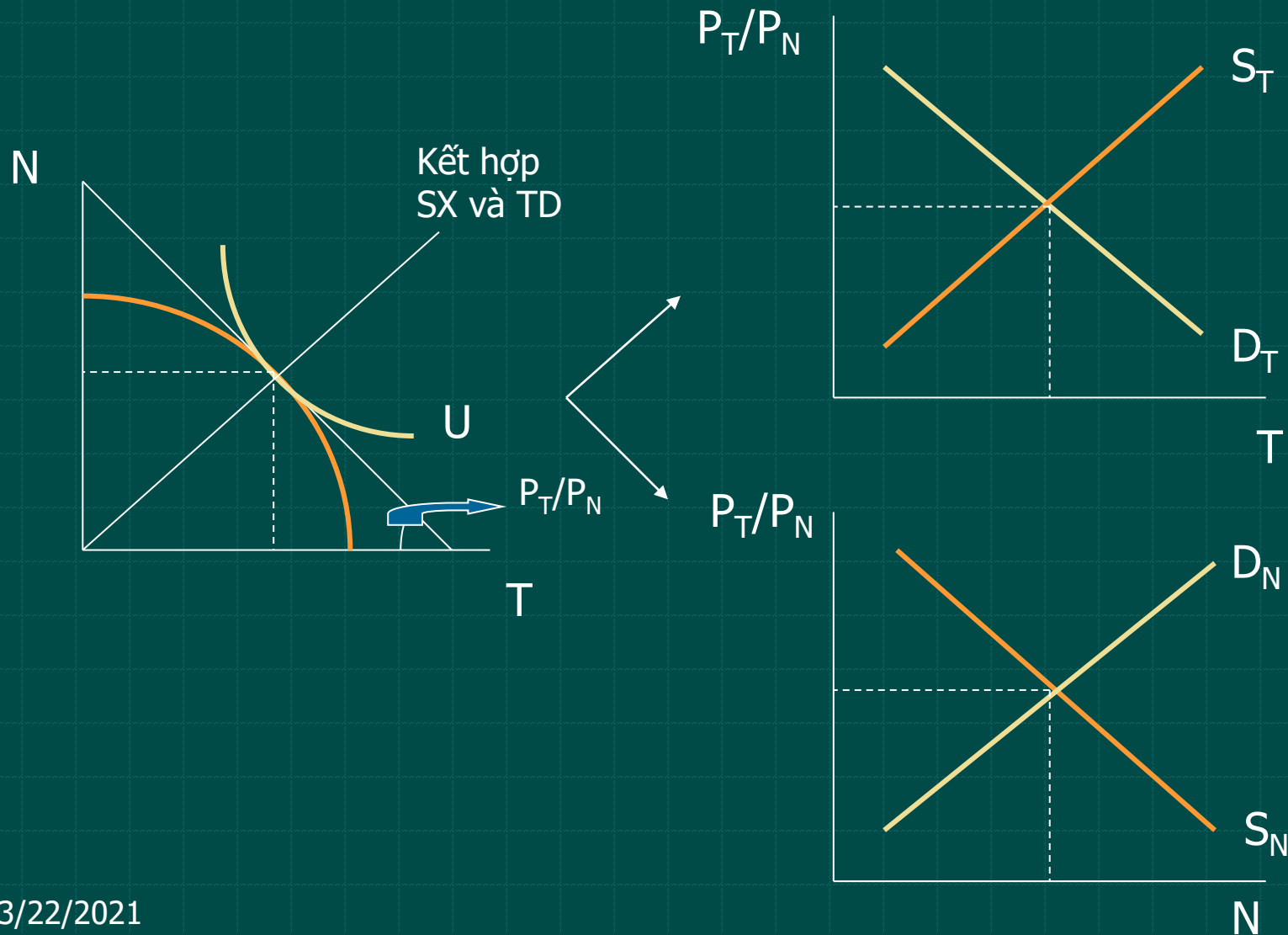
4-9: hàng N

Vấn đề:

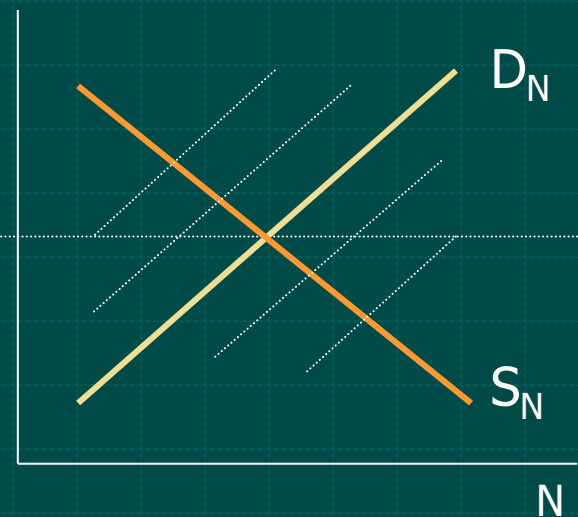
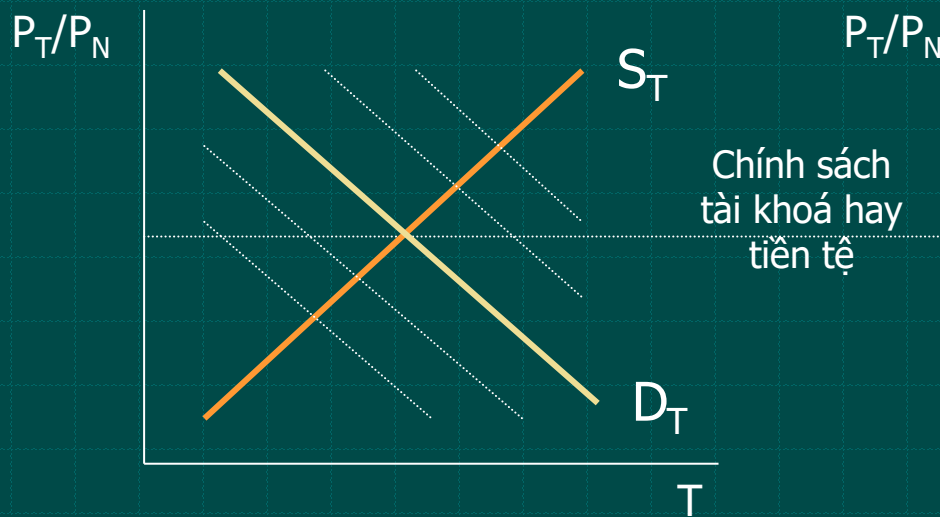
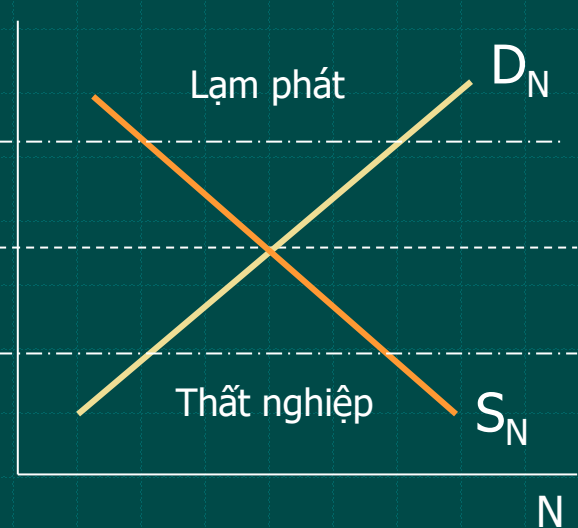
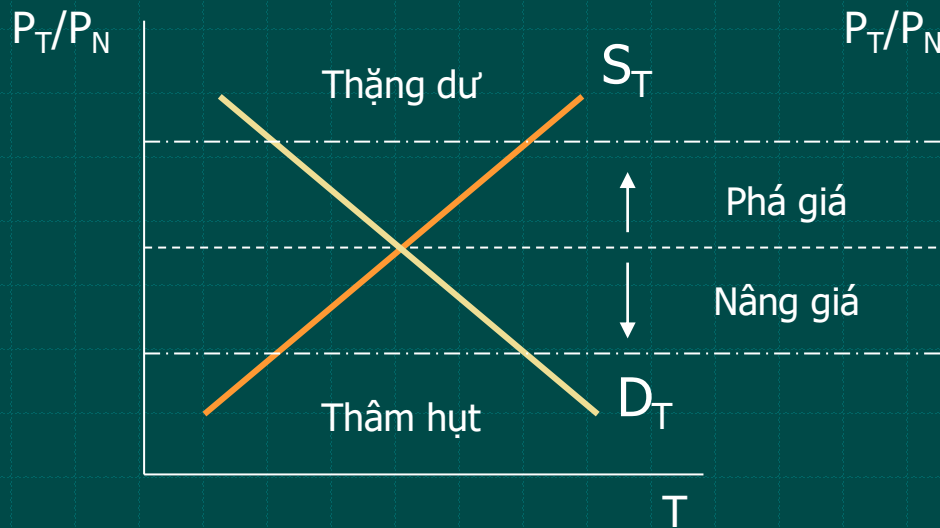
Chi phí vận chuyển

Hàng rào bảo hộ mậu dịch

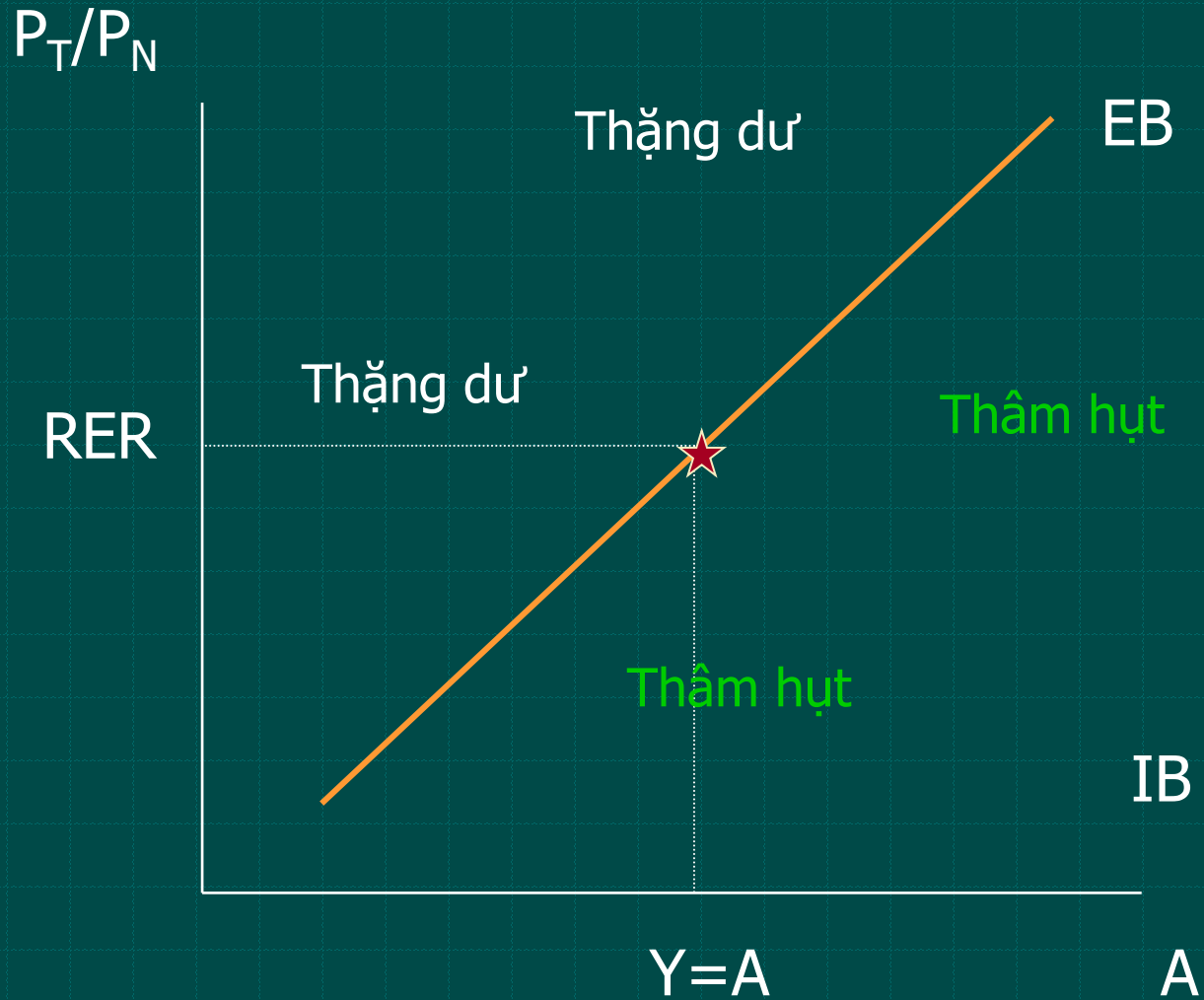
Cân bằng thị trường hàng T và N



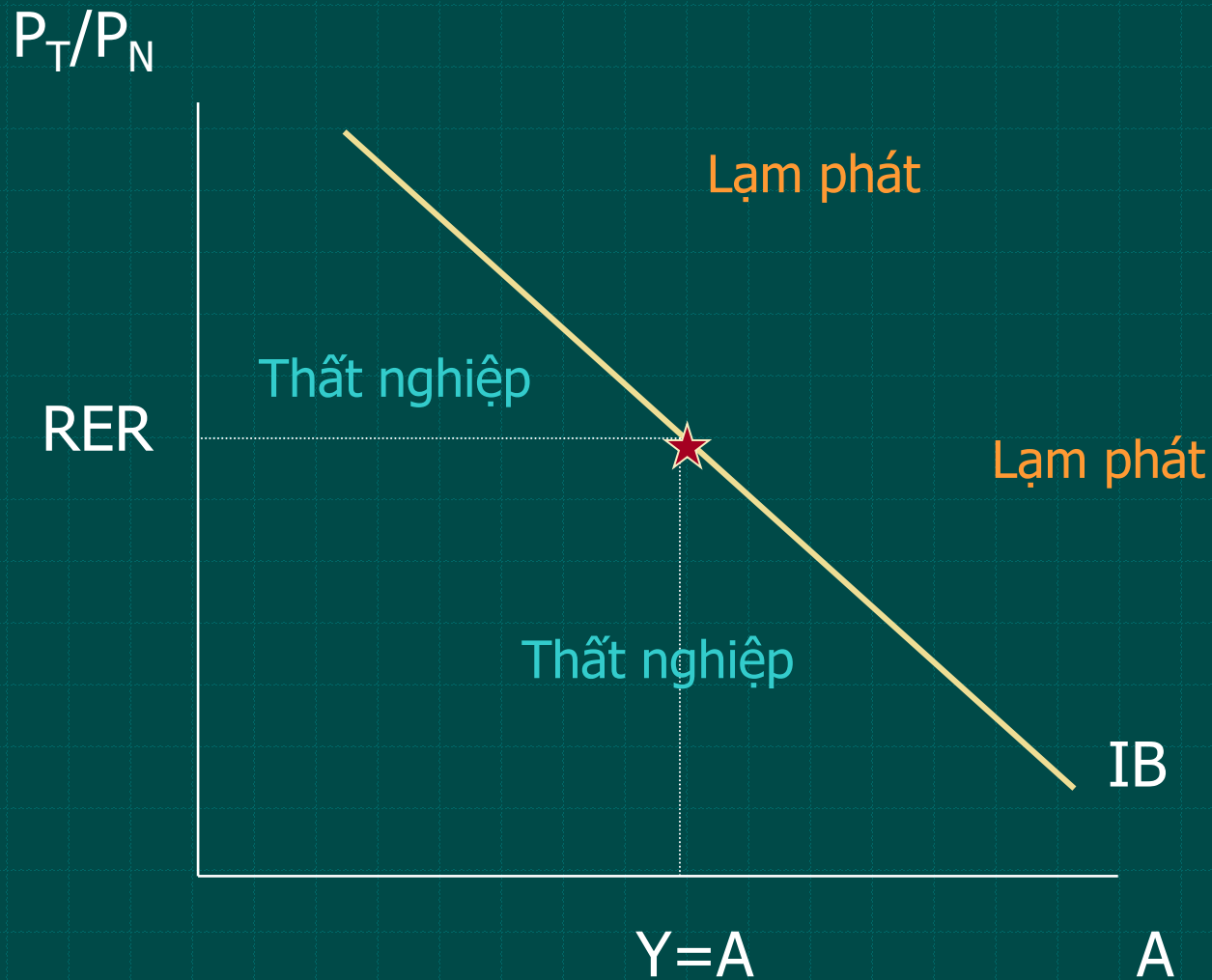
Vận hành mô hình



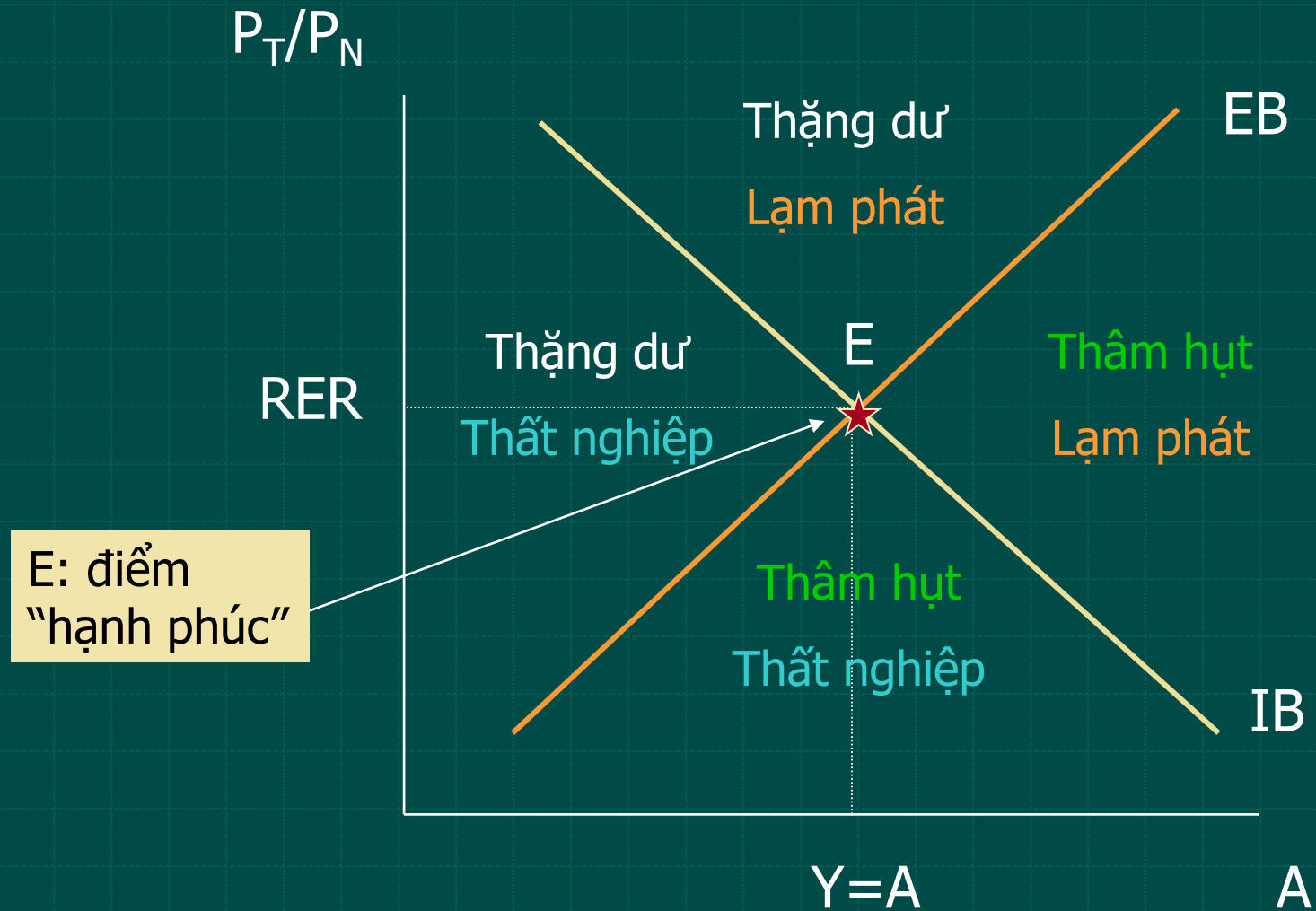
Cân bằng bên ngoài và đường EB



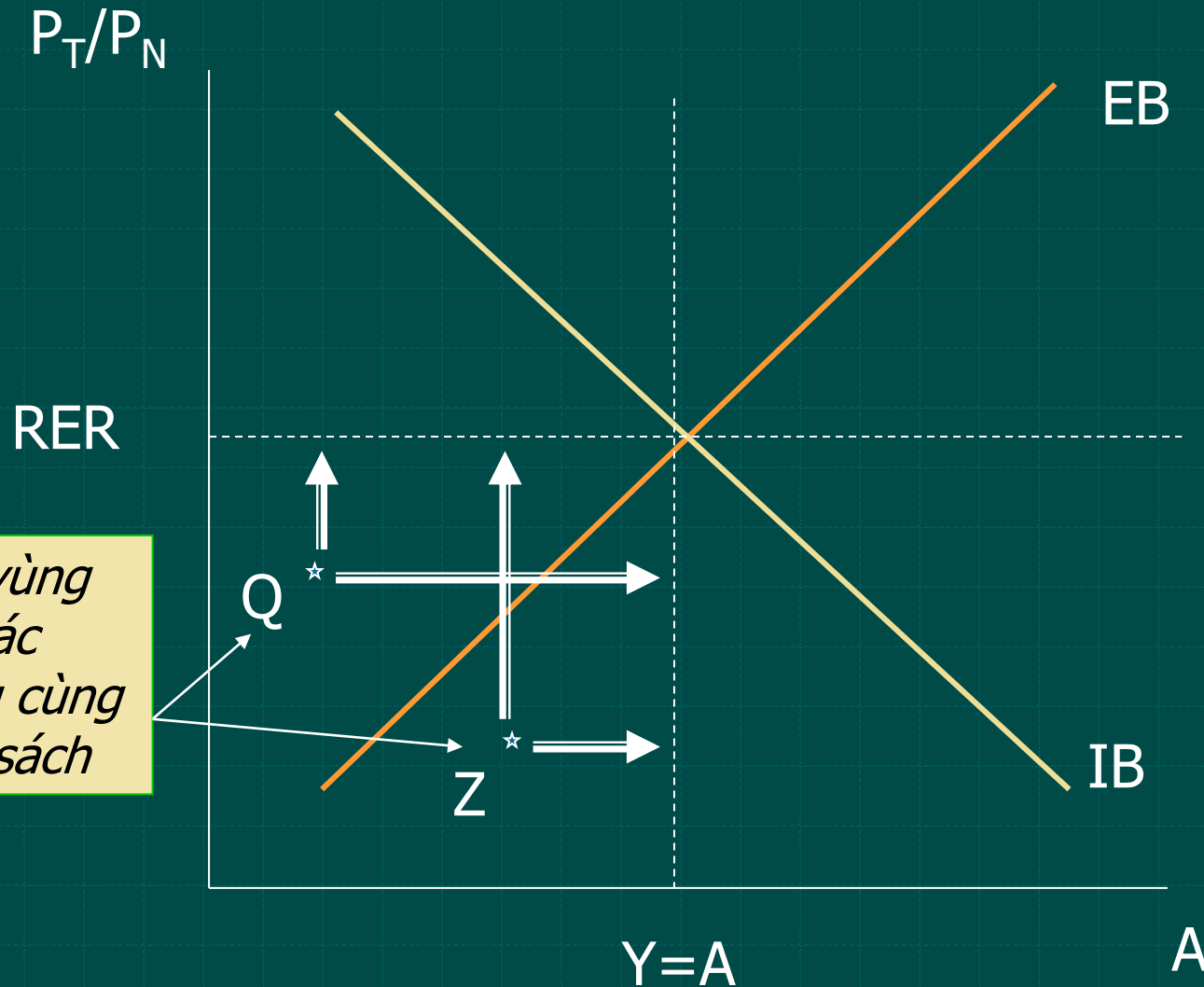
Cân bằng bên trong và đường IB



Bốn khu vực trực trặc



Bốn vùng chính sách



*Q và Z ở 2 vùng
trục trặc khác
nhau nhưng cùng
vùng chính sách*

Thực hành: Việt Nam và Trung Quốc

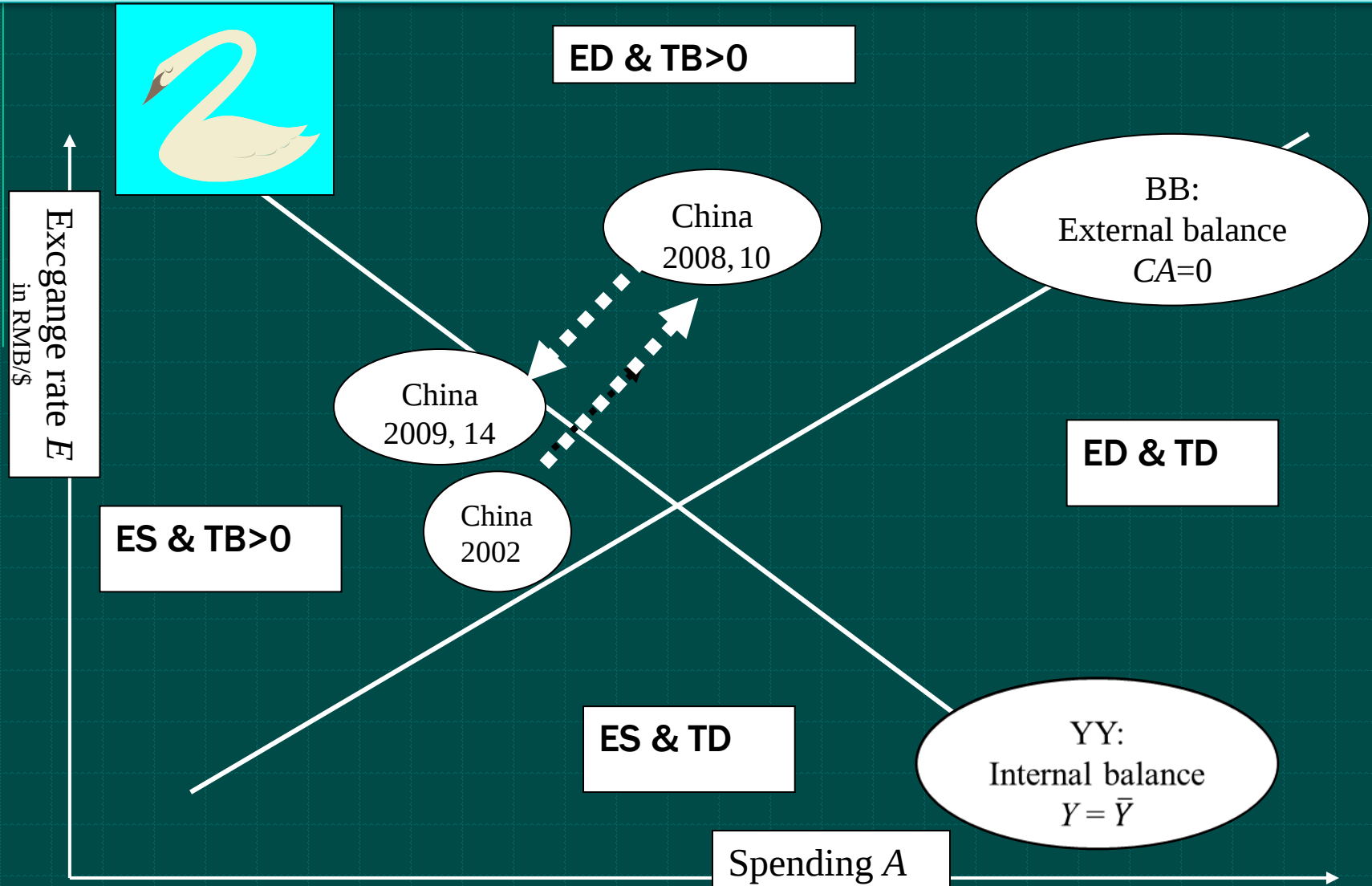
Tài liệu:

- ◆ Báo cáo quốc gia, IMF

Câu hỏi:

1. Xác định vị trí trực tiếp của nền kinh tế Việt Nam và Trung Quốc?
2. Chính sách ổn định hoá theo lý thuyết và theo lập luận của bạn căn cứ vào thực trạng và các ràng buộc của nền kinh tế?

China's position in the Swan Diagram in 2008 called for real appreciation. In 2009, *also* demand expansion.



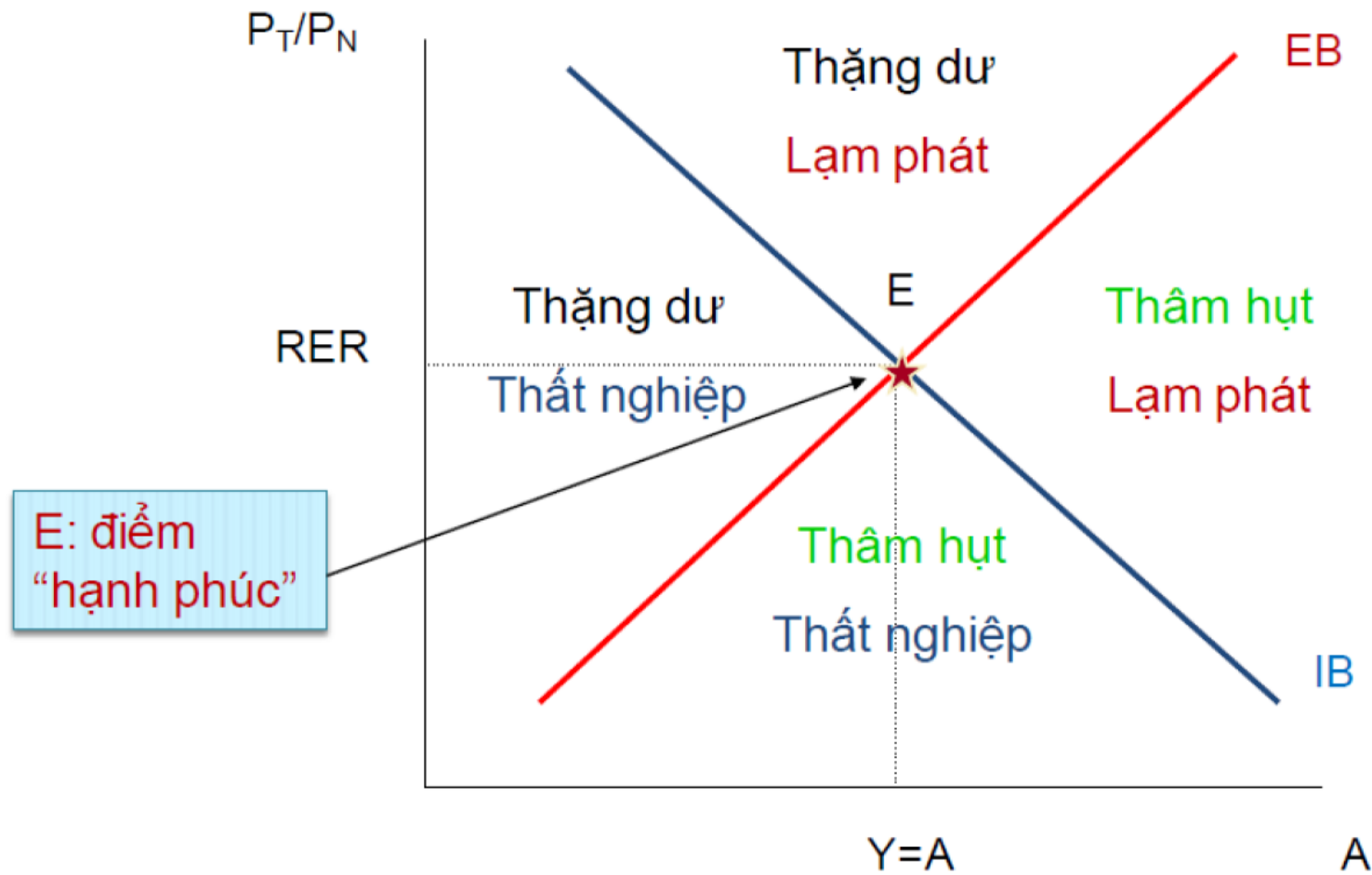
3/22/2021

Nguồn: Frankel 2014

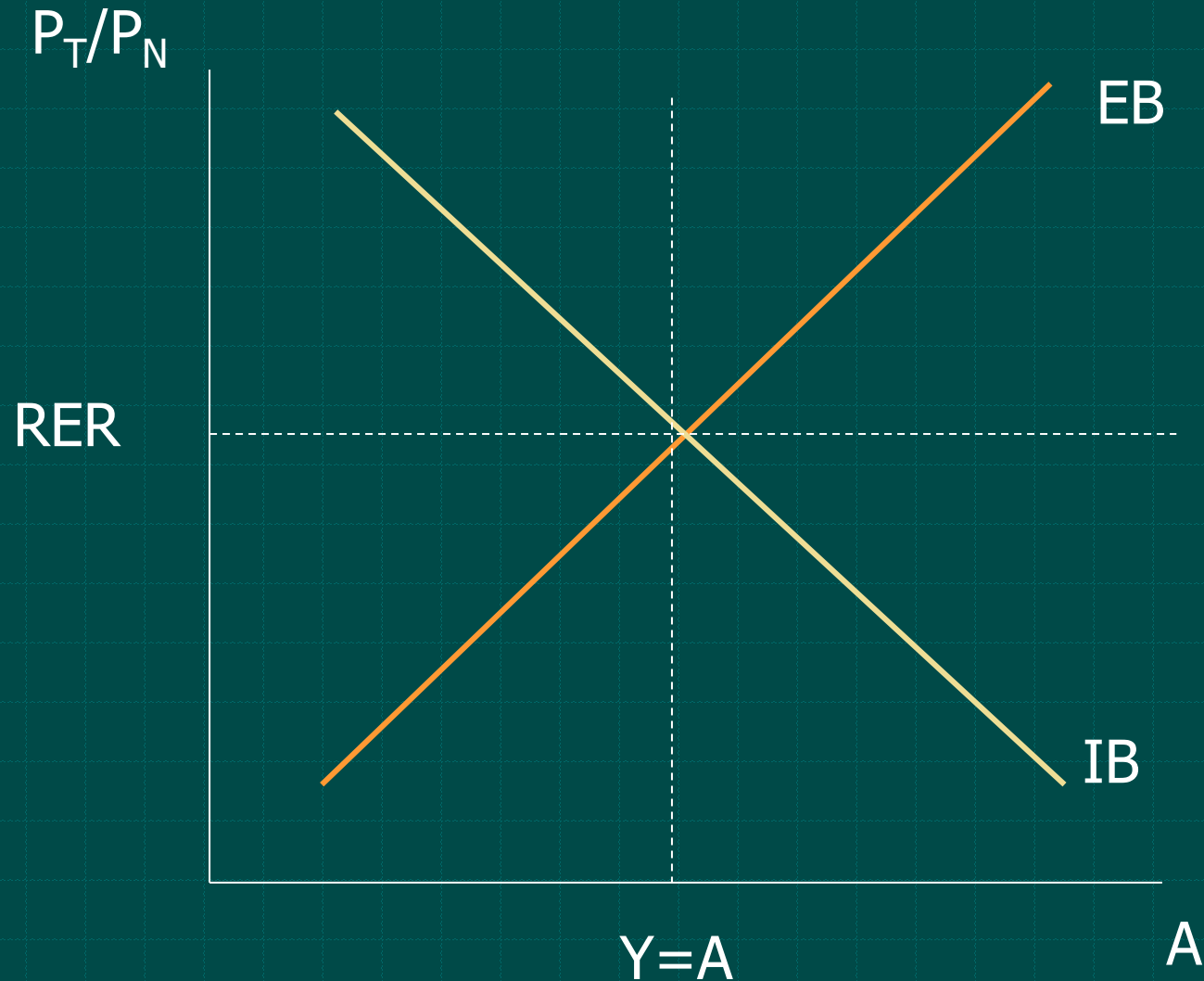
Kinh nghiệm xử lý mô hình

- ◆ Định vị dựa vào số liệu
- ◆ Chính sách theo mô hình lý thuyết
- ◆ Chính sách thực tế dựa vào các ràng buộc
- ◆ Hãy thực hành cho Việt Nam (hay quốc gia chọn) ở một năm cụ thể (2020 chẳng hạn)

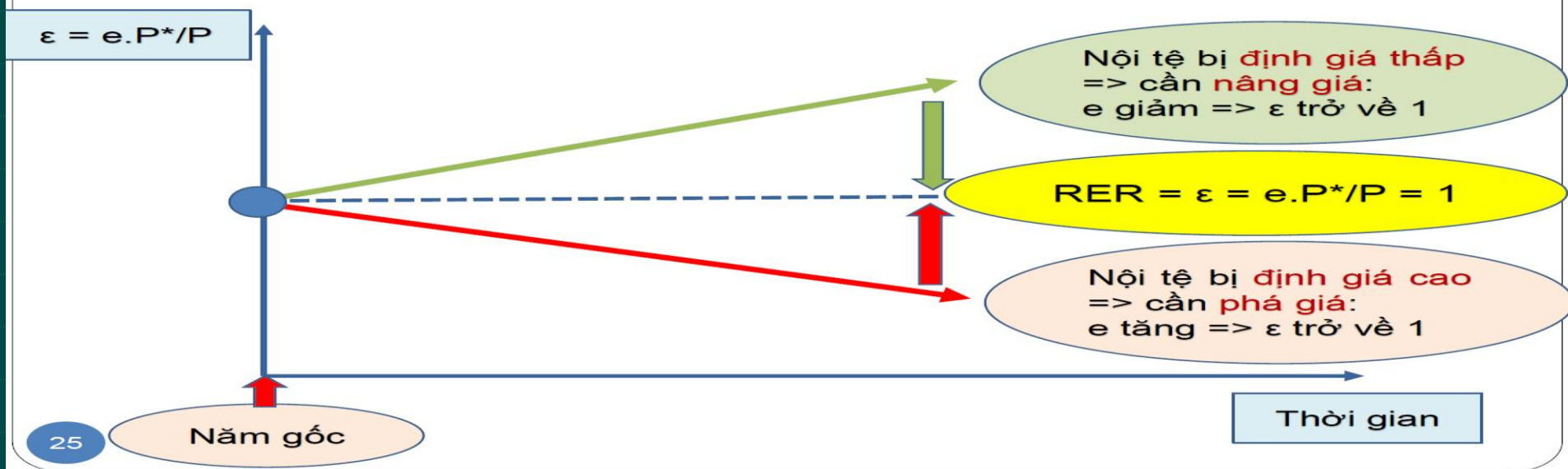
Mô hình EB-IB: Bốn khu vực trực trắc



Thực hành định vị một quốc gia và hàm ý chính sách?



Cách nhận biết nội tệ bị giá cao/thấp



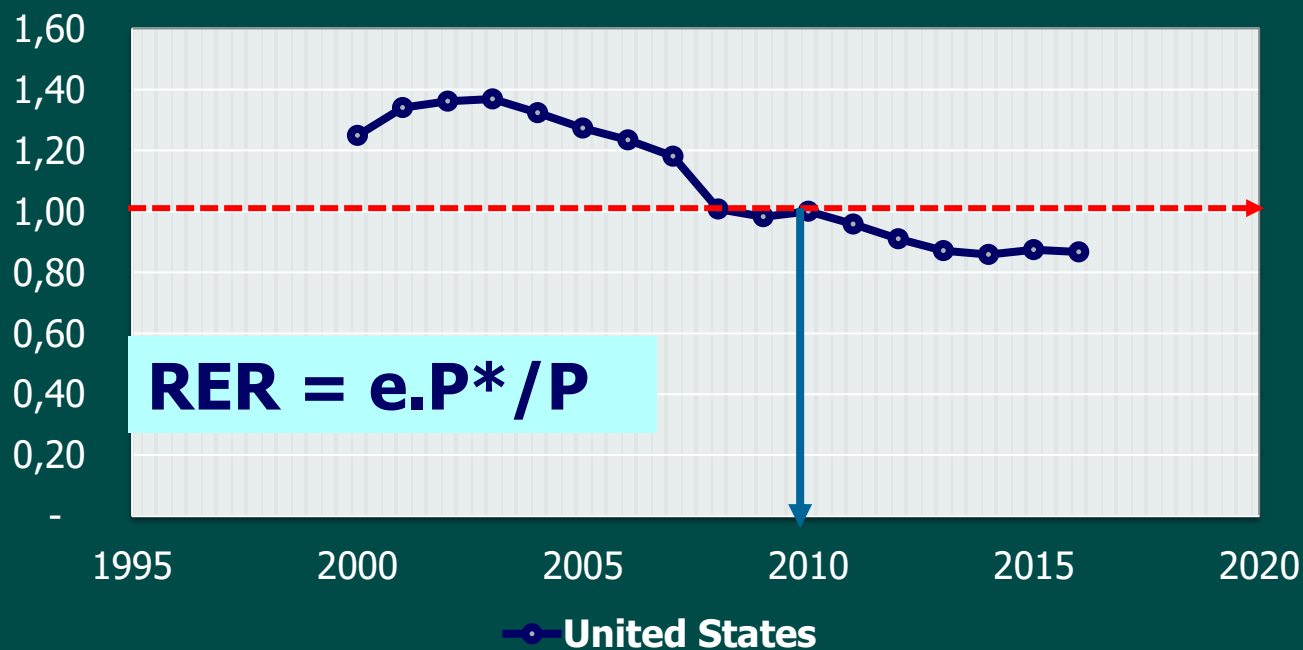
Thứ nhất, *tính tốc độ tăng trưởng GDP thông thường* trung bình $\overline{g_Y}$ giai đoạn (khoảng 10-15 năm). So sánh tốc độ tăng trưởng của năm hiện hành g_Y với tốc độ tăng trưởng thông thường trung bình $\overline{g_Y}$ để biết nền kinh tế đang ở về phía bên phải hay bên trái của đường chữ thập dốc đứng đi qua $A = Y_P$. Nếu $g_Y > \overline{g_Y}$, nền kinh tế đang ở về phía phải vì $Y > Y_P$, và ngược lại, nếu $g_Y < \overline{g_Y}$, nền kinh tế ở về phía trái vì $Y < Y_P$. Nếu $g_Y = \overline{g_Y}$, nền kinh tế nhiều khả năng đang ở trạng thái cân bằng dài hạn, tức là $Y = Y_P$.

Chọn năm gốc, Tính RER và đồ thị

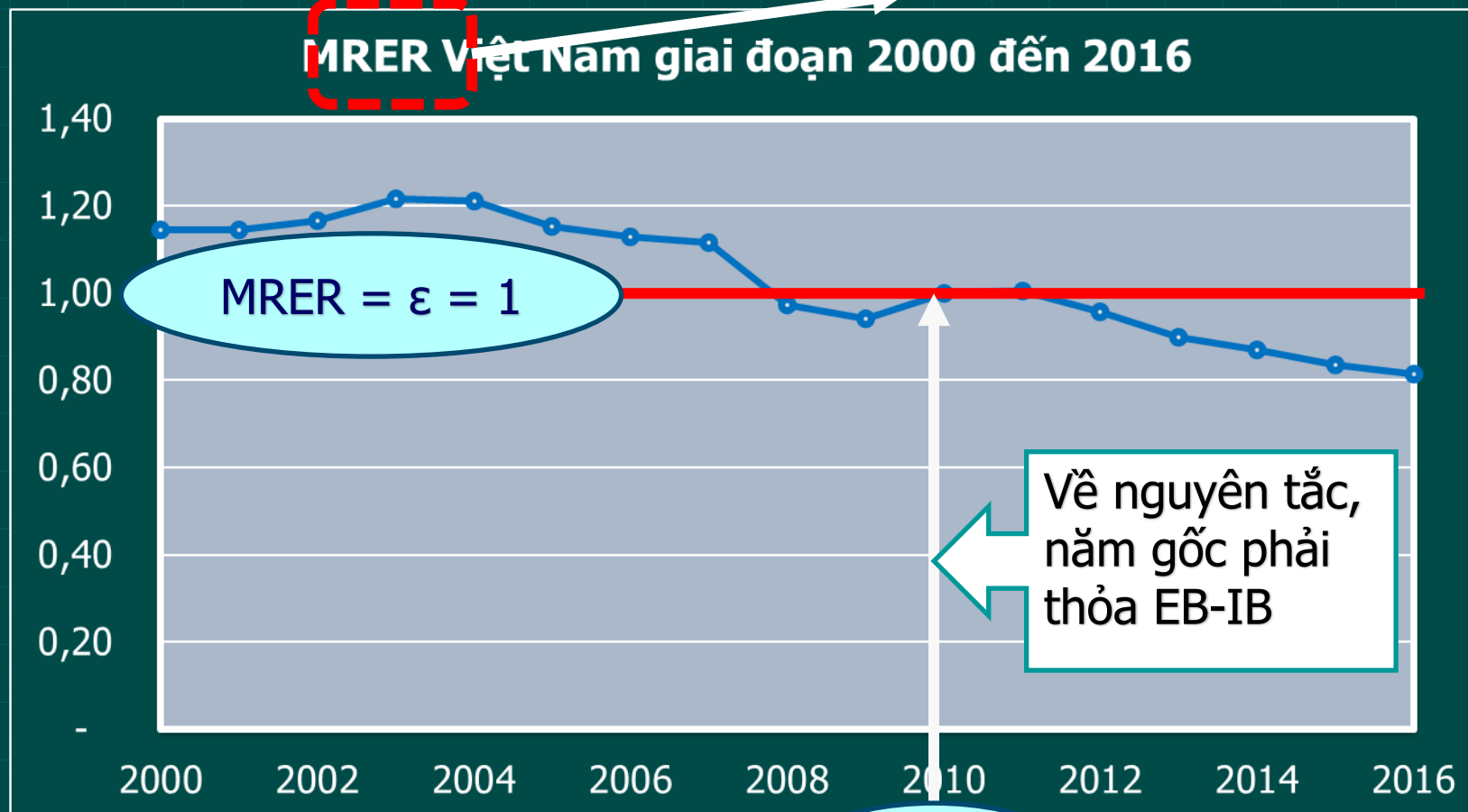
Năm	0	1	2	3
e	1			
P*	100			
P	100			
$RER = e.P^*/P$	1			

1. Chỉ số (Index)
2. Năm gốc (Base year)
3. Trọng số thương mại (Trading partners' weight)

BRER giữa Việt Nam và Hoa Kỳ giai đoạn 2000 đến 2016



2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
1.15	1.14	1.17	1.22	1.21	1.15	1.13	1.12	0.97	0.94	1.00	1.01	0.96	0.90	0.87	0.84	0.81



Nguồn: Châu Văn Thành và cộng sự (2018)

Năm gốc
2010

Nhận diện năm gốc

Năm	2000	...	2019	2020
g(GDP)				
%ΔP				
u				
NX/GDP				

Cân bằng bên ngoài (EB) + Cân bằng bên trong (IB)

$$\text{EB: } X = M \quad \text{hay} \quad NX = 0$$

$$\text{IB: } Y = Y_p; u = u_n; \text{ và } \% \Delta P = \% \Delta P_e$$

Đồng nhất thức:

$$Y = C + I + G + X - M = A + NX$$

Cân bằng kinh tế vĩ mô:

$$\mathbf{Y = A = Y_p} \text{ [hay } g_y = \text{tốc độ tăng trưởng trung bình gđ]}$$

$$\mathbf{u = u_n; và}$$

$$\mathbf{\% \Delta P = \% \Delta P_e}$$

$$\mathbf{NX = 0} \quad \text{[hay } RER = 1]$$

Dữ liệu cho thấy

- Nội tệ đang bị định giá thấp [$\varepsilon > 1$]
- gY hiện hành > gY trung bình giai đoạn (10-15 năm)
- Lạm phát đang gia tăng vượt mức kiểm soát
- Thất nghiệp không phải là vấn đề
- Thặng dư thương mại lớn
- ◆ ...

A**NX**

$$Y = C(Y - T) + I(r) + G + X(\epsilon, Y^*) - M(\epsilon, Y)$$

 P_T/P_N

Giảm chi tiêu **A**
+
Nâng giá nội tệ **e**

RER

phát

E: điểm
"hạnh phúc"

 $Y=A$ **A**

Dữ liệu cho thấy

- Nội tệ đang bị định giá thấp [$\epsilon > 1$]
- gY hiện hành > gY trung bình giai đoạn (10-15 năm)
- Lạm phát đang gia tăng vượt mức kiểm soát
- Thất nghiệp không phải là vấn đề
- Thặng dư thương mại lớn
- ◆ ...
- ◆ Tại sao [Giảm chi tiêu A + Nâng giá e] lại góp phần giải quyết trực trặc vĩ mô bên trên?

$$\text{Y} = \overbrace{C(Y-\text{A})}^{\text{A}} + I(\text{r}) + \text{G} + \overbrace{X(\epsilon, Y^*) - M(\epsilon, Y)}^{\text{NX}}$$

Hàn Quốc

Trước 1973:

- Mới phát động HCI
- Park trúng cử (tăng trưởng và chi tiêu)

	1973	1974	1975	1980
Tốc độ tăng GDP		7,7%	6,9%	
Tỷ lệ lạm phát		24,5%	25,2%	
Cán cân thương mại (tỷ USD)	-0,6	1,94	1,67	
Tỷ giá danh nghĩa (e: W/\$)	398	484		660

- Mỹ giảm viện trợ và cắt hẳn từ 1975
- Chính sách: Phá giá và vay nợ

Đài Loan:

Trước 1973: $TB > 0$ (US)

	1971-73	1974	1975
Tốc độ tăng GDP	11%	-0,7%	2,5%
Tiêu dùng chính phủ		-10%	
Đầu tư (p+g)		-13%	
Tỷ lệ lạm phát	8,2% (73)	47,5%(74)	
Cán cân thương mại (tỷ USD)	0,7	-1,3	>0
Tỷ giá danh nghĩa	38	40	

Chính sách:

- Giảm A
- Giảm dự trữ ngoại tệ
- $TB < 0$

Mô hình EB-IB: Bốn khu vực trực trặc

